TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HSST
Ngày 19/02/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trường;
2. Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung;

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Lan Phương - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2020/HSST ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/ QĐXXST-HS ngày 05/02/2020, đối với bị cáo: **Trần Thị Thu H**, giới tính: Nữ, sinh ngày 24 tháng 11 năm 1992, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố S (nay là Khu phố V), Phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông: Trần V, sinh năm 1965 và con bà: Hoàng Thị B, sinh năm 1965; cùng trú tại Khu phố V, Phường H, thành phố Đ; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; chồng đã ly hôn; con: Võ Trường S; sinh ngày 19/02/2018; tiền án, Tiền sự: Không có.

Bị cáo đang bị áp dụng Biện pháp ngăn chặn "*Cấm đi khỏi nơi cư trú*", có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn An Du N 2, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh L, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Lê Ni N1, sinh năm 1986; địa chỉ: Kiệt 356/60/04 Hoàng Diệu, phường B, quận H, thành phố Đ, vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1994; địa chỉ: Phường Mỹ A, quận N, thành phố Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 14/10/2019, Trần Thị Thu H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 74C1-345.53 đến quán Sáu Hoa (ở số 01 đường Lê Thế Hiếu, thuộc Khu phố 8, Phường 1, thành phố Đông Hà) để bán bánh bột lọc thì thấy xe mô tô BKS 74L1- 236.99 của chị Nguyễn Thị N (trú tại thôn An Du N 2, xã Vĩnh T, huyện Vĩnh L) dựng bên lề đường cạnh quán Sáu Hoa, trên xe có gắn chìa khóa. Khoảng 19 giờ 20 phút, H ra về thì thấy trên xe mô tô BKS 74L1- 236.99 vẫn còn gắn chìa khóa nhưng không có người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. H mở khóa và điều khiển xe đến giấu bên trong Kiệt số 01 đường Lê Thế Hiếu rồi quay lại điều khiển xe mô tô của mình đến địa điểm trên. Sau đó, H đưa xe mô tô BKS 74L1- 236.99 về nhà cất giấu. Đến ngày 18/10/2019, H điều khiển xe mô tô BKS 74L1- 236.99 vào thành phố Đà Nẵng gặp anh Trần Văn H1 ở Phường Mỹ A, quận N, thành phố Đ (em trai của H) để nhờ bán xe. Vì không biết xe mô tô do H trộm cắp mà có nên anh H1 đồng ý rồi đưa H đến cơ sở cầm đồ 01, ở 53 Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng do chị Nguyễn Lê Ni N1 làm chủ hiệu, gặp anh Võ D (người được chị N1 giao quản lý cửa hiệu) để giao dịch. Tại đây anh D đồng ý nhận cầm cố xe mô tô BKS 74L1- 236.99 trong thời hạn 30 ngày và đưa cho H 15.000.000 đồng. Trần Thị Thu H cho em trai 1.500.000 đồng, số tiền còn lại H chi tiêu cho bản thân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 130/KLĐGTS ngày 24/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà kết luận: Trị giá của xe mô tô BKS 74L1- 236.99 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 25.920.000 đồng.

Vật chứng và tài sản thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu HONDA VISION, màu đen BKS 74C1-345.53;
- 01 xe mô tô hiệu HONDA VISION, màu đỏ nâu, BKS 74L1- 236.99;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 74L1- 236.99 mang tên Nguyễn Thị N;
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 74C1-345.53 mang tên Trần Thị Thu H.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSĐH ngày 15 tháng 01 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đã truy tố bị cáo Trần Thị Thu H về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s, i Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H từ 11 đến 13 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đông Hà đã xử lý vật chứng trả lại xe mô tô BKS 74L1- 236.99 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 74L1- 236.99 cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị N. Chị N không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô BKS 74C1-345.53 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 74C1-345.53 mang tên Trần Thị Thu H.

Bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và hứa sẽ không vi phạm pháp luật.

Bị hại trình bày ý kiến: Đề nghị Tòa án xét xử mức hình phạt nghiêm minh theo đúng pháp luật, không đồng ý với ý kiến xin hưởng án treo của bị cáo. Bởi vì: Bị cáo không có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố và xét xử, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đông Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 19 giờ 20 phút, ngày 14/10/2019, sau khi bán hàng rong tại quán Sáu Hoa, ở số 01 đường Lê Thế Hiếu, thuộc Khu phố 8, Phường 1, thành phố Đông Hà ra về, Trần Thị Thu H phát hiện xe mô tô BKS 74L1- 236.99 của chị Nguyễn Thị N dựng bên lề đường cạnh quán Sáu Hoa, không có người trông coi. Sau khi quan sát kỹ, Trần Thị Thu H đã chiếm đoạt xe mô tô BKS 74L1- 236.99 của chị Nguyễn Thị N đưa về nhà của mình cất giấu. Đến ngày 18/10/2019, bị cáo điều khiển xe mô tô BKS 74L1- 236.99 vào thành phố Đà Nẵng để tiêu thụ. Do xe không chính chủ nên bị cáo cầm cố lấy số tiền 15.000.000 đồng. Tài sản Trần Thị Thu H chiếm đoạt được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Đông Hà kết luận có giá trị 25.920.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Thị Thu H đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Điều luật quy định khung hình phạt: *Phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 03 năm*.

[3] Xét về tính chất hành vi của bị cáo: Bị cáo là một công dân có nhận thức và hiểu biết pháp luật, nhưng khi thấy tài sản người khác bị sơ hở, bị cáo đã

chiếm đoạt tài sản đưa đi tiêu thụ nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng trong nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để một giảm phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân phải nuôi con nhỏ, chồng đã ly hôn, bố ốm đau thường xuyên nên Hội đồng xét xử cần xem xét thêm khi quyết định hình phạt.

Mặc dù, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ, chưa có tiền án, tiền sự nhưng không thể cho bị cáo được hưởng án treo như lời thỉnh cầu của bị cáo. Bởi vì, Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị tương đối lớn 25.920.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của chị N, bị cáo đưa xe vào thành phố Đà Nẵng để tiêu thụ nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng và bị hại. Do đó, cần xử phạt nghiêm minh và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Anh Trần Văn H1 là người đưa bị cáo Trần Thị Thu H đi cầm cố tài sản bị cáo trộm cắp; anh Võ D là người giao dịch nhận cầm cố xe mô tô BKS 74L1-236.99 nhưng không biết tài sản đó do H phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[5] *Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng*: Chị Nguyễn Thị N là bị hại đã nhận lại chiếc xe mô tô BKS 74L1- 236.99 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 74L1- 236.99, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Chị Nguyễn Lê Ni N1 đã nhận lại số tiền 15.000.000 đồng, không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 74C1-345.53 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 74C1-345.53 mang tên Trần Thị Thu H là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc bán bánh bột. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo không sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Thu H** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm s, i Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: **Trần Thị Thu H**: **13** (*Mười ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên: Trả lại cho bị cáo 01 chiếc xe mô tô BKS 74C1-345.53 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 74C1-345.53 mang tên Trần

Thị Thu H (các tài sản hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra Công an thành phố Đông Hà và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà lập ngày 21/01/2020).

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- Công an TP Đông Hà;
- Thi hành án hình sự;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Xuân Hương